

Số: 365 /TB-CTSV

Cần Thơ, ngày 21 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO KHẨN
Xét tuyển dương danh hiệu “Tiền Trạng Nguyên Tây Đô” năm 2026

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị có liên quan

Theo tinh thần Công văn số 161/CV-HKH, ngày 20/8/2026 của Hội khuyến học Thành phố Cần Thơ về tổ chức lễ tuyên dương danh hiệu “Tiền Trạng Nguyên Tây Đô” năm 2026; Phòng Công tác Sinh viên xin thông báo đến Thủ trưởng các đơn vị có liên quan như sau:

Tiêu chí	Diễn giải
Đối tượng xét chọn	- Đạt tổng số điểm xét tuyển cao nhất của ngành trong xét tuyển đại học chính quy năm 2026; Không bao gồm điểm đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên; Không xét thưởng thủ khoa điểm học bạ; - Có nơi đăng ký thường trú tại Thành phố Cần Thơ; - Đã nộp hồ sơ nhập học và đang còn theo học tại Đại học Cần Thơ
Danh sách dự tuyển	Danh sách dự kiến tuyên dương đính kèm
Hồ sơ dự tuyển	- Giấy báo trúng tuyển (photo); - Giấy xác nhận Thủ khoa ngành của Đại học Cần Thơ (do Phòng Đào tạo phát hành); - Nộp 02 ảnh 3 x 4 (có đội mũ, áo thùng) → sinh viên liên hệ với các cơ sở dịch vụ chụp ảnh để được hỗ trợ.
Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại văn phòng Phòng Công tác Sinh viên; - Hạn cuối là ngày 14/9/2026 (Thứ Hai).
Thời gian tổ chức tuyên dương	Dự kiến tổ chức vào ngày 02/10/2026

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị quan tâm triển khai cho sinh viên được biết và thực hiện theo tinh thần Thông báo này. Trong quá trình triển khai, nếu còn vấn đề vướng mắc cần trao đổi, vui lòng liên hệ với Phòng Công tác Sinh viên để phối hợp giải quyết.

Trân trọng kính chào./.

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: CTSV.

Nguyễn Thanh Tường

DANH SÁCH SINH VIÊN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
DỰ KIẾN TUYÊN DƯƠNG “TIỀN TRẠNG NGUYỄN TÂY ĐÔ” NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số /TB-CTSV, ngày /8/2026
của Phòng Công tác Sinh viên)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Tổng số điểm	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
1.	B2602734	Trần Long Châu	Công nghệ sinh học	28,51	2666A2	Viện Công nghệ Sinh học và thực phẩm	
2.	B2602864	Lữ Ngọc Nguyên Anh	Công nghệ sinh học - CTTT	24,16	2666T1		
3.	B2610033	Đặng Thị Huỳnh Như	Công nghệ sau thu hoạch	24,01	26U5A1		
4.	B2605462	Bùi Anh Tài	An toàn thông tin	29,08	26D2A1	Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông	
5.	B2605854	Trần Tiến Đạt	Trí tuệ nhân tạo	28,49	26D6A2		
6.	B2609638	Dương Hoàng Duy	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	25,73	26T9A2		
7.	B2609692	Trần Thế Hiền	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu - CTCLC	23,64	26T9F1		
8.	B2611299	Ung Quốc Huy	Công nghệ thông tin - CTCLC	26,76	26V7F1		
9.	B2613085	Hồ Thanh Triều	Khoa học máy tính	28,48	26Z6A1		
10.	B2610503	Phạm Phương Vy	Ngôn ngữ Anh	28,33	26V1A3	Khoa Ngoại ngữ	
11.	B2612384	Hồ Đặng Kim Ngân	Sư phạm Tiếng Pháp	27,25	26X2A1		
12.	B2601923	Đinh Cao Như Ý	Quản trị kinh doanh - học tại Cơ sở Hậu Giang	21,63	2622A5	Cơ sở Hậu Giang	
13.	B2602153	Huỳnh Ngọc Băng Tâm	Kinh tế nông nghiệp - học tại Cơ sở Hậu Giang	19,47	2623A5		
14.	B2607776	Nguyễn Quốc Gia Bảo	Du lịch - học tại Cơ sở Hậu Giang	24,5	26N2A5		
15.	B2610241	Phan Hữu Thành	Kinh doanh nông nghiệp - học tại Cơ sở Hậu Giang	19,85	26U7A5		
16.	B2611271	Lý Ngọc Thảo Nhi	Công nghệ thông tin - học tại Cơ sở Hậu Giang	24,03	26V7A5		

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Tổng số điểm	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
17.	B2604210	Nguyễn Gia Hưng	Toán ứng dụng	27,67	2689A1	Trường Khoa học tự nhiên	
18.	B2606543	Đinh Ngọc Diễm Quỳnh	Khoa học dữ liệu	27,96	26H1A1		
19.	B2609797	La Chí Thanh	Vật lý kỹ thuật	27,51	26U1A2		
20.	B2601594	Trần Duy Anh	Tài chính - Ngân hàng	27,42	2621A2	Trường Kinh tế	
21.	B2601659	Đặng Nguyễn Thiên Hương	Tài chính - Ngân hàng - CTCLC	25,44	2621F1		
22.	B2606790	Trần Lê Gia Hân	Công nghệ tài chính	28,4	26K2A1		
23.	B2611744	Huỳnh Thảo Trinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	28,91	26W2A2		
24.	B2611783	Nguyễn Thị Mai Quỳnh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - CTCLC	23,56	26W2F1		
25.	B2611829	Huỳnh Trần Phương Thảo	Kinh doanh thương mại	26,06	26W3A1		
26.	B2611923	Võ Chấn Hùng	Kinh doanh quốc tế	27,86	26W4A1		
27.	B2612106	Trần Lê Ngọc Trâm	Kinh doanh quốc tế - CTCLC	27,9	26W4F2		
28.	B2606968	Nguyễn Thị Phương Nhi	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	26,84	26L1A2	Khoa Luật	
29.	B2607271	Trần Nguyễn Thủy Ngân	Luật	27,7	26L2A2		
30.	B2608476	Phạm Trung Hiếu	Luật kinh tế	28,47	26S9A2		
31.	B2608338	Nguyễn Trương Tú Anh	Quy hoạch vùng và đô thị	22,42	26S8A1	Khoa Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	
32.	B2612696	Trần Lan Phương	Quản lý tài nguyên và môi trường	25,97	26X7A1		
33.	B2602999	Phan Gia Hân	Thú y	29,35	2667A2	Trường Nông nghiệp	
34.	B2603177	Tạ Minh Thư	Thú y - CTCLC	26,3	2667F1		
35.	B2603617	Đặng Hoàng Khanh	Bảo vệ thực vật - CTCLC	23,5	2673F1		
36.	B2608002	Huỳnh Gia Phúc	Chăn nuôi	24,4	26S1A2		
37.	B2600080	Trương Minh Triết	Sư phạm Toán học	29,58	2601A1	Trường Sư phạm	
38.	B2600608	Huỳnh Thị Bích Tuyền	Sư phạm Sinh học	28,5	2610A1		

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Tổng số điểm	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
39.	B2610286	Trần Hùng Linh	Sư phạm Tin học	27,33	26U8A1		
40.	B2612474	Nguyễn Thị Yên Nhi	Giáo dục Tiểu học	28,02	26X3A2		
41.	B2601519	Ngô Anh Thư	Kế toán - học tại Khu Sóc Trăng	23,25	2620A7	Khu Sóc Trăng	
42.	B2605787	Bùi Nguyễn Khánh Vy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - học tại Khu Sóc Trăng	24,33	26D5A7		
43.	B2607520	Lê Thị Việt Trinh	Luật - học tại Khu Sóc Trăng	26	26L2A7		
44.	B2607908	Lê Văn Vàng	Du lịch - học tại Khu Sóc Trăng	24,69	26N2A7		
45.	B2604182	Nguyễn Huy Thông	Kỹ thuật cơ khí - CTCLC	25,34	2648F1	Trường Bách khoa	
46.	B2604973	Lê Ngọc Thảo	Kỹ thuật y sinh	25,97	26B2A1		
47.	B2605019	Lê Đắc Khôi	Kỹ thuật máy tính	28,54	26B3A1		
48.	B2605182	Trần Duy Phát	Quản lý xây dựng	25,87	26B4A1		
49.	B2605704	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	27,61	26D5A2		
50.	B2608245	Dương Quốc Thái	Kiến trúc	25,21	26S7A1		
51.	B2608979	Lê Minh Thuận	Kỹ thuật điện	27,38	26T5A2		
52.	B2609115	Trần Tiến Đạt	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	26,5	26T6A2		
53.	B2609188	Ngô Tấn Hạnh	Kỹ thuật xây dựng	26,12	26T7A1		
54.	B2609517	Nguyễn Thịnh Đức	Kỹ thuật xây dựng - CTCLC	22,66	26T7F1		
55.	B2609576	La Minh Mẫn	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	24,2	26T8A1		
56.	B2610941	Dương Hoàng Sang	Công nghệ kỹ thuật hóa học	28,18	26V6A1		
57.	B2611064	Phan Minh Thành	Công nghệ kỹ thuật hóa học - CTCLC	27,31	26V6F1		
58.	B2612908	Đoàn Minh Hiếu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	29,02	26Y8A1		
59.	B2600909	Đàm Hoa Mỹ Tiên	Nuôi trồng thủy sản	25,85	2613A4		

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành	Tổng số điểm	Lớp	Đơn vị	Ghi chú
60.	B2606463	Lý Lan Anh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	24,88	26F1A2	Trường Thủy sản	
61.	B2608039	Nguyễn Thủy Ý Ngọc	Quản lý thủy sản	22,8	26S2A1		
62.	B2603733	Trần Ngọc Như	Thông tin - thư viện	22,49	2680A1	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn	
63.	B2607600	Văn Phương Hà	Báo chí	28,52	26N1A2		
64.	B2609937	Nguyễn Toàn Phát	Xã hội học	26,9	26U4A1		
65.	B2611498	Trần Trung Kiên	Chính trị học	27,63	26V9A2		

Tổng số theo danh sách dự kiến có **65** sinh viên./.